

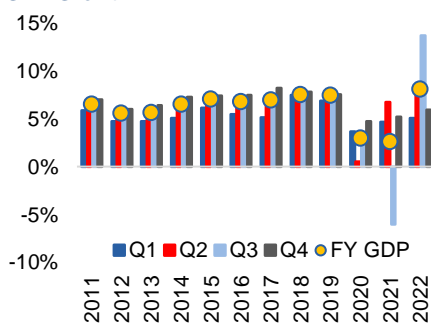
Trương Thanh Nguyên, CFA
Chuyên viên cao cấp

Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp

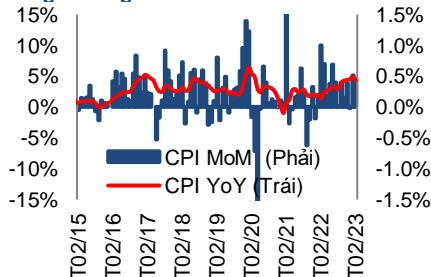
Số liệu trong tháng	T1	T2
CPI (% Δ so với cùng kỳ)	4,9	4,3
Doanh thu bán lẻ (% Δ so với cùng kỳ)	12,8	13,2
Chỉ số SXCN (% ΔYoY)	-14,9	3,6
KN xuất khẩu (tỷ USD)	23,6	25,9
KN nhập khẩu (tỷ USD)	23,0	23,6
Giải ngân FDI (tỷ USD)	1,4	1,2
Lợi suất TPCP 5 năm (%)	4,3	3,9
DN đăng ký mới	10.843	8.841

Dự báo Cả năm	2022E	2023F
GDP danh nghĩa (tỷ USD)	403	439
GDP tính theo giá thực tế (% so với năm trước)	8,0	6,5
CPI (% Δ so với cùng kỳ)	3,2	4,0
Tăng trưởng xuất khẩu (%)	10,5	6,0
Tăng trưởng nhập khẩu (%)	7,8	6,5
Cán cân thương mại (tỷ USD)	12,4	11,3
Tăng trưởng tín dụng (%)	14,5	13,0
Giải ngân FDI (tỷ USD)	22,4	24,0

GDP Growth



Tăng trưởng GDP



Nguồn: Tổng cục thống kê (TCTK)

Đơn đặt hàng mới tăng cho thấy tín hiệu tích cực

Sản xuất cải thiện trong tháng 2 nhưng số liệu tính chung 2 tháng đầu năm (2T 2023) vẫn kém khả quan. Chỉ số Sản xuất Công nghiệp (IIP) tháng 2 tăng 3,6% so với cùng kỳ (YoY) sau khi giảm 14,9% YoY trong tháng 1. Tuy nhiên, IIP 2T 2023 vẫn giảm 6,3% YoY, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 6,9% YoY. Mặc dù vậy, báo cáo Nhà Quản trị Mua hàng ngành sản xuất của Việt Nam (PMI) tháng 2 cho thấy số lượng đơn đặt hàng mới đã tăng lần đầu tiên sau 4 tháng, với tốc độ tăng cao nhất kể từ tháng 8/2022, cho thấy hoạt động sản xuất có thể cải thiện hơn trong những tháng tới.

Tổng doanh thu bán lẻ tăng trưởng chậm lại sau Tết. Sau Tết, tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tháng 2 giảm 6,0% so với tháng trước (MoM), tuy nhiên vẫn tăng 13,2% YoY. Tổng doanh thu bán lẻ trong 2 tháng đầu năm 2023 tăng 13,0% YoY (tăng 9,2% nếu loại trừ yếu tố giá; 2T 2022 giảm 1,1%). Theo khảo sát của S&P Global, nhân sự đã tăng lần đầu tiên sau 4 tháng, điều này có thể hỗ trợ tiêu dùng.

Vốn FDI đăng ký giảm do không có các dự án mở rộng quy mô lớn. Theo số liệu của Bộ Kế hoạch & Đầu tư, vốn FDI giải ngân 2T 2023 giảm 4,9% YoY đạt 2,55 tỷ USD. Trong khi đó, vốn FDI đăng ký (cấp mới, tăng thêm và mua cổ phần) giảm 38% YoY, đạt 3,1 tỷ USD, chủ yếu là do vốn FDI tăng thêm giảm 85% YoY do thiếu các dự án tăng vốn quy mô lớn. Ở chiều tích cực, vốn đăng ký của các dự án cấp mới tăng 2,8 lần đạt 1,76 tỷ USD. Ngoài ra, trong tháng 1/2023, Cục Đầu tư Nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết vốn FDI đăng ký năm 2023 có thể đạt 36 - 38 tỷ USD, cao hơn khoảng 30% - 37,2% so với mức được ghi nhận trong năm 2022.

Xuất nhập khẩu vẫn kém khả quan trong 2T 2023. Theo Tổng cục Thống kê (TCTK), kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam trong 2T 2023 giảm lần lượt 10,4% YoY và 16,0% YoY, đạt 49,4 tỷ USD và 46,6 tỷ USD, xuất siêu 2,8 tỷ USD. Ngoại trừ xuất khẩu sang Trung Quốc tăng trưởng 4,2%, xuất khẩu sang hầu hết các thị trường trọng điểm đều giảm, bao gồm Mỹ (-21,0%), EU (-4,2%) và các nước ASEAN (-7,9%). Tăng trưởng xuất khẩu có thể cải thiện trong tháng 3 khi các đơn hàng mới đang tăng trở lại. Theo khảo sát của S&P Global, các đơn đặt hàng xuất khẩu mới ghi nhận trong tháng 2 đã tăng trong tháng thứ hai liên tiếp, nhờ nhu cầu toàn cầu tích cực hơn.

Thu ngân sách nhà nước (NSNN) tích cực mặc dù thu từ hoạt động thương mại giảm. Theo TCTK, tổng thu và chi NSNN đạt lần lượt 362,3 nghìn tỷ đồng (+10,6% YoY) và 242,0 nghìn tỷ đồng (+6,0% YoY) trong 2T 2023, hoàn thành lần lượt 22,4% và 11,7% kế hoạch năm. Bội thu NSNN đạt 120,3 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra, chi đầu tư phát triển đạt 49,2 nghìn tỷ đồng, tăng 10,4% YoY và hoàn thành 6,8% kế hoạch năm.

Giá xăng dầu và gas tăng tiếp tục làm tăng lạm phát. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 2 tăng 0,5% MoM và 4,3% YoY, dẫn đến CPI bình quân 2T 2023 tăng 4,6% YoY. CPI tháng 2 tăng chủ yếu do giá xăng dầu và gas tăng theo giá thế giới. Chúng tôi hiện kỳ vọng CPI bình quân có thể tăng 4,0% trong năm 2023, cao hơn so với mức 3,2% ghi nhận trong năm 2022 chủ yếu do các giá dịch vụ do Nhà nước quản lý giá có thể tăng sau khi ổn định hoặc giảm trong giai đoạn COVID-19.

(tiếp trang 2)

Tỷ giá USD/VND tăng trong tháng 2. Tỷ giá USD/VND tăng 1,4% trong tháng 2 và tăng 0,8% tính từ đầu năm, do đồng USD tăng trên thị trường thế giới và thanh khoản VND dồi dào trên thị trường liên ngân hàng. Trong tháng 2, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã hút ròng khoảng 198 nghìn tỷ đồng. Các đợt tăng lãi suất sắp tới của Fed có thể làm tăng áp lực đối với tỷ giá USD/VND, tuy nhiên, chúng tôi cho rằng chu kỳ thắt chặt chính sách của Fed đang dần đạt đỉnh trong khi Việt Nam tiếp tục thu hút dòng vốn USD ổn định từ FDI, kiều hối, xuất siêu hàng hóa và đồng thời nhập siêu dịch vụ thu hẹp, có thể giúp giảm áp lực lên tỷ giá USD/VND trong nửa cuối năm nay.

Hoạt động kinh tế

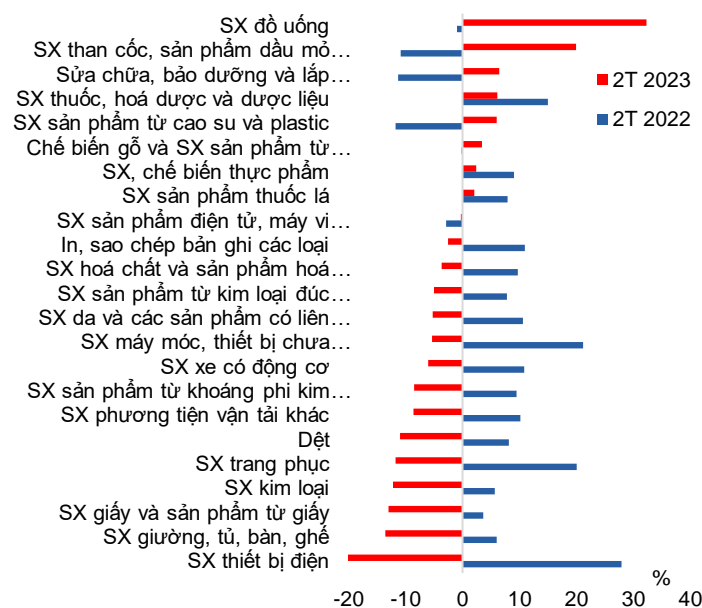
Sản xuất Công nghiệp

Hình 1: Tăng trưởng IIP theo ngành trong tháng 2/2023

	MoM	YoY	2T 2023 vs 2T 2022
Toàn ngành	5,1%	3,6%	-6,3%
Khai khoáng	6,3%	7,0%	-3,8%
SX chế biến chế tạo	4,8%	3,3%	-6,9%

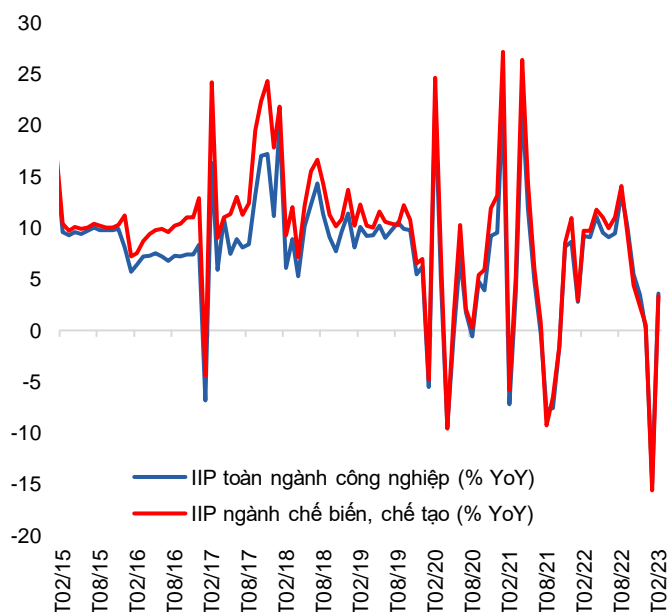
Nguồn: TCTK, VCSC

Hình 2: Chỉ số sản xuất công nghiệp các lĩnh vực



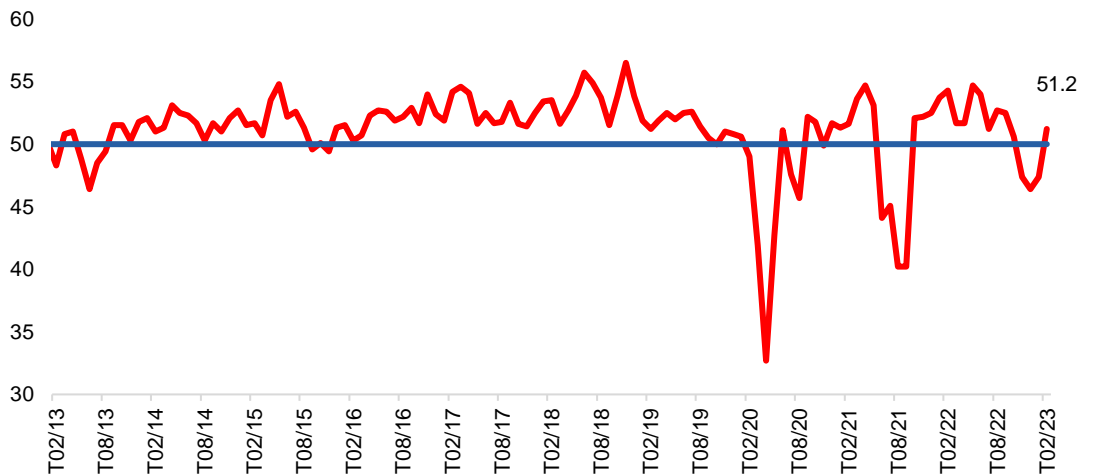
Nguồn: TCTK, VCSC

Hình 3: Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) theo tháng



Nguồn: TCTK, VCSC

Hình 4: Chỉ số Nhà quản trị Mua hàng (PMI) lĩnh vực sản xuất của Việt Nam



Nguồn: S&P Global, VCSC

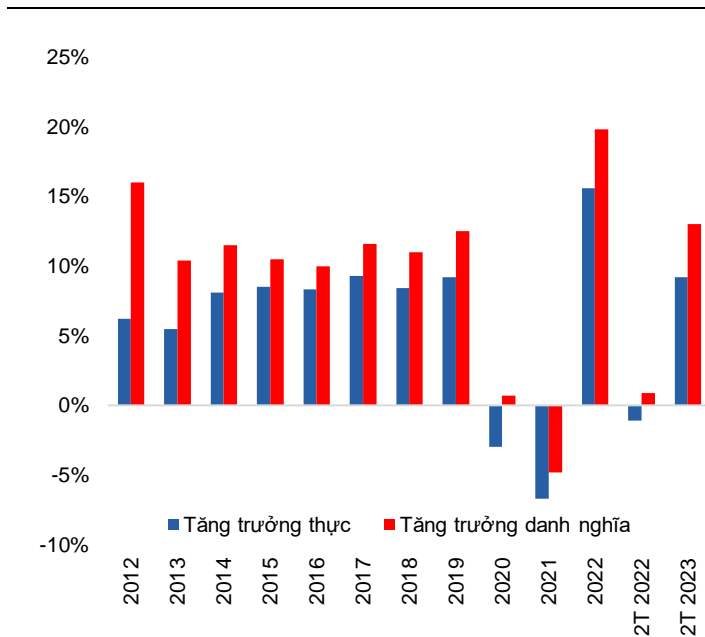
Hình 5: PMI của Việt Nam so với của các nước ASEAN khác

	03/2022	04/2022	05/2022	06/2022	07/2022	08/2022	09/2022	10/2022	11/2022	12/2022	01/2023	02/2023
Việt Nam	51,7	51,7	54,7	54,0	51,2	52,7	52,5	50,6	47,4	46,4	47,4	51,2
Philippines	53,2	54,3	54,1	53,8	50,8	51,2	52,9	52,6	52,7	53,1	53,5	52,7
Myanmar	47,1	50,4	49,9	48,2	46,5	46,5	43,1	45,7	44,6	42,1	49,6	51,1
Singapore	55,0	58,1	57,3	59,3	60,0	56,8	58,5	56,0	56,0	N/A	51,9	49,7
Thái Lan	51,8	51,9	51,9	50,7	52,4	53,7	55,7	51,6	51,1	52,5	54,5	54,8
Indonesia	51,3	51,9	50,8	50,2	51,3	51,7	53,7	51,8	50,3	50,9	51,3	51,2
Malaysia	49,6	51,6	50,1	50,4	50,6	50,3	49,1	48,7	47,9	47,8	46,5	48,4
ASEAN	51,7	52,8	52,3	52,0	52,2	52,3	53,5	51,6	50,7	50,3	51,0	51,5

Nguồn: S&P Global, VCSC

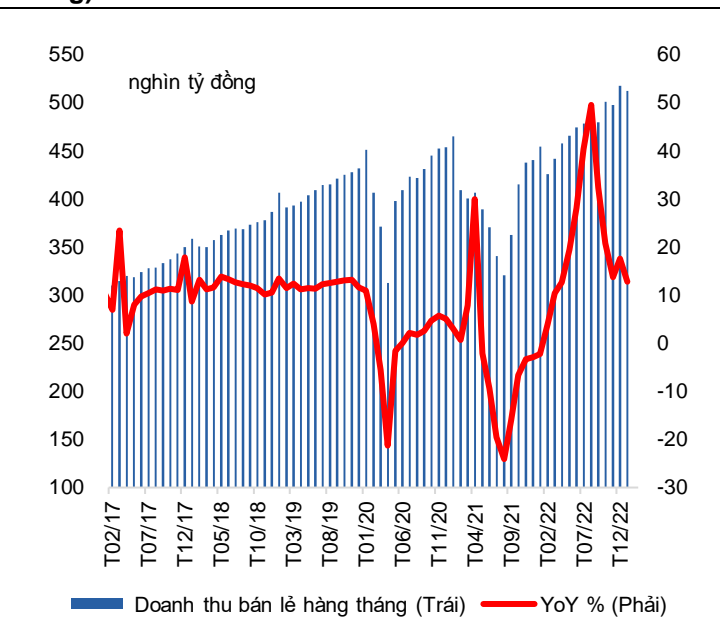
Tiêu dùng trong nước

Hình 6: Tăng trưởng tổng doanh thu bán lẻ



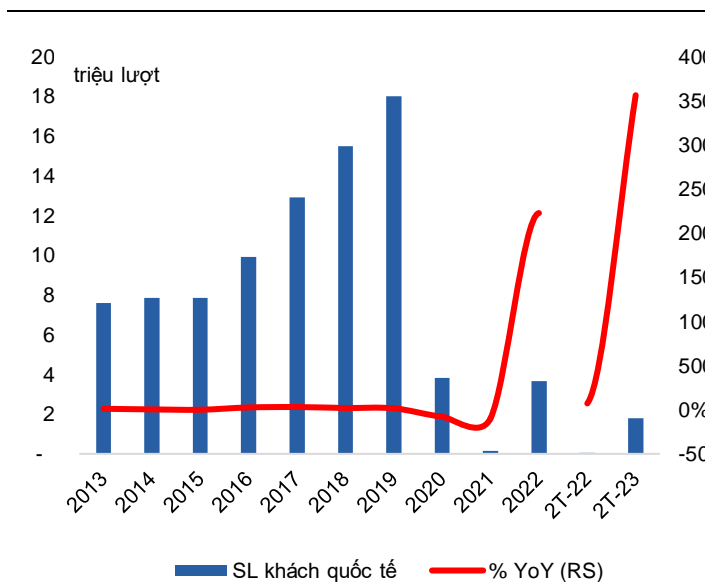
Nguồn: TCTK, VCSC

Hình 7: Tổng doanh thu bán lẻ và tăng trưởng (theo tháng)



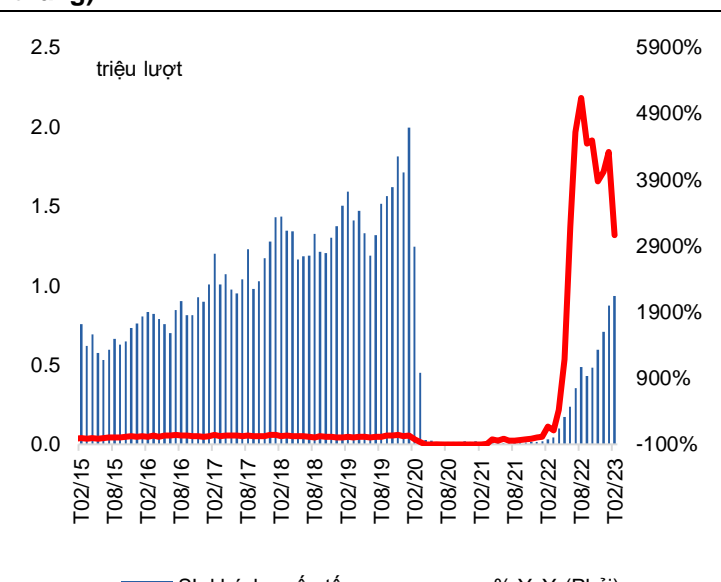
Nguồn: TCTK, VCSC

Hình 8: Lượng khách quốc tế và tăng trưởng



Nguồn: Tổng Cục Du lịch, TCTK, VCSC

Hình 9: Lượng khách quốc tế và tăng trưởng (theo tháng)



Nguồn: Tổng Cục Du lịch, TCTK, VCSC

Ngân sách Nhà nước

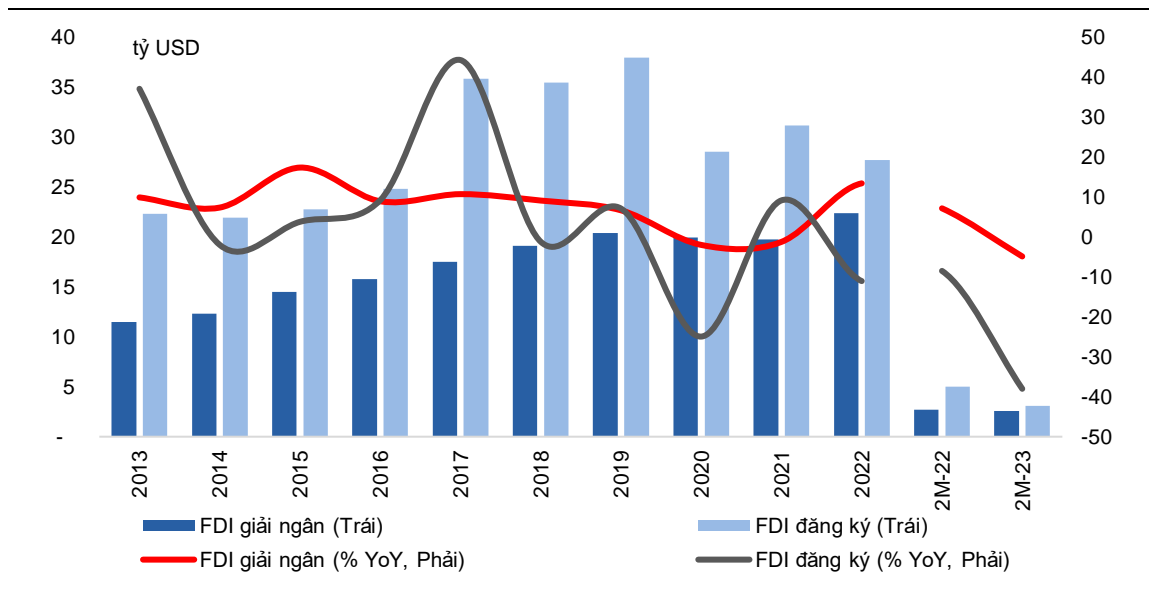
Hình 10: Thu/Chi Ngân sách Nhà nước

Đơn vị: nghìn tỷ đồng	2T 2023	% Kế hoạch năm 2022	YoY %
Thu ngân sách	362,3	22,4%	10,6%
Thu ngân sách	315,5	23,6%	17,0%
Thu từ dầu thô	10,8	25,7%	13,2%
Thu từ xuất nhập khẩu	36,0	15,1%	-25,5%
Chi ngân sách	242,0	11,7%	6,0%
Chi thường xuyên	171,0	14,6%	4,7%
Chi đầu tư phát triển	49,2	6,8%	10,4%
Chi trả nợ lãi	21,7	21,1%	6,8%
Cán cân ngân sách	120,3		

Nguồn: TCTK, Bộ Tài chính, VCSC

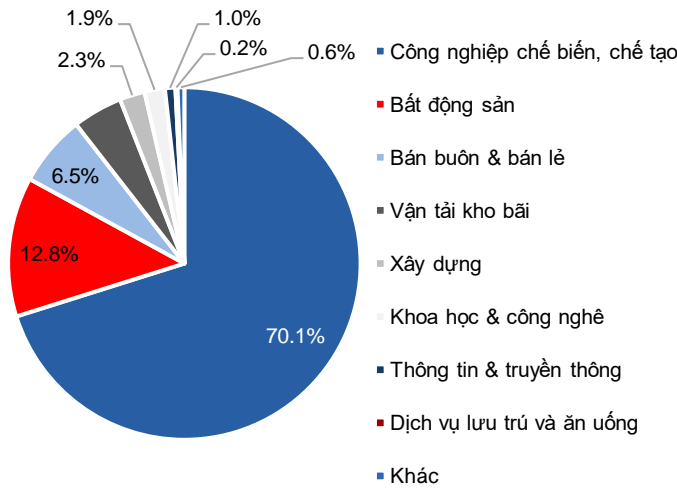
FDI

Hình 11: Tăng trưởng vốn FDI giải ngân và đăng ký



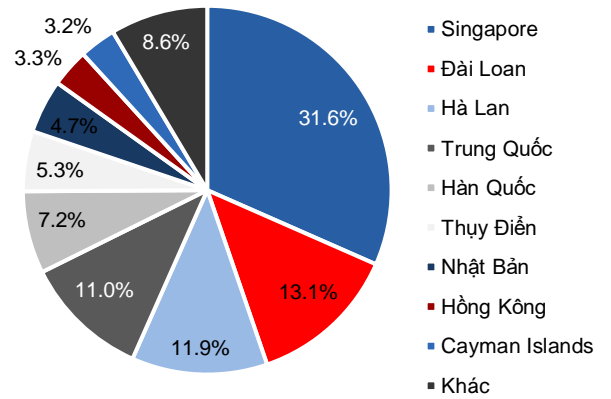
Nguồn: Bộ KHĐT, VCSC

Hình 12: FDI đăng ký theo ngành trong 2T 2023



Nguồn: Bộ KHĐT, VCSC

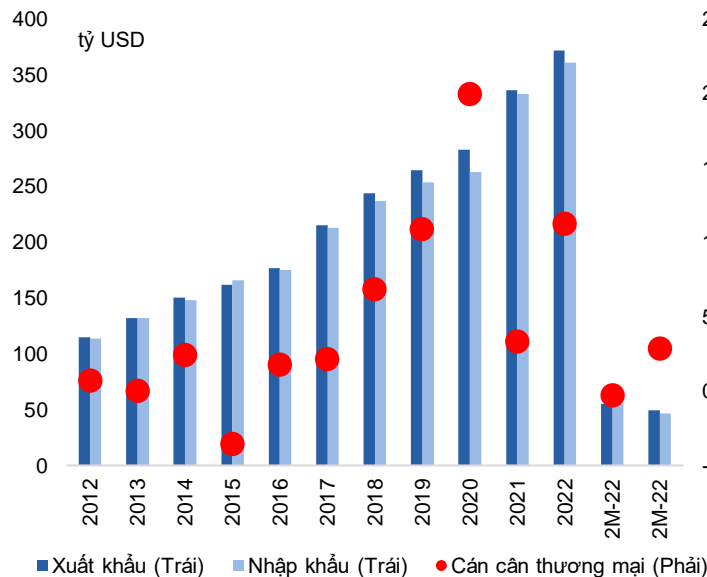
Hình 13: FDI đăng ký theo quốc gia trong 2T 2023



Nguồn: Bộ KHĐT, VCSC

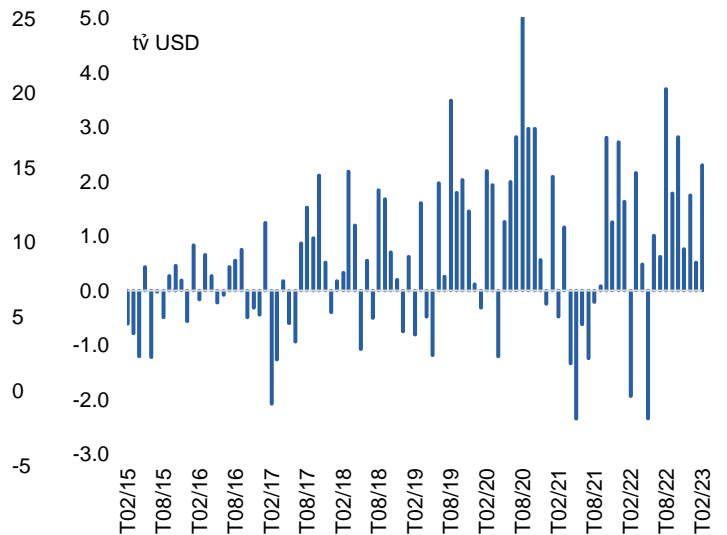
Hoạt động thương mại

Hình 14: Kim ngạch và tăng trưởng XNK



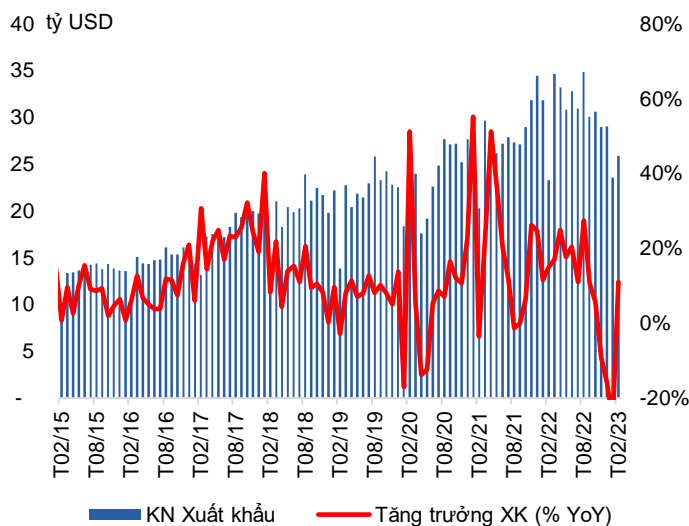
Nguồn: TCHQ, TCTK, VCSC

Hình 15: Cán cân thương mại hàng tháng



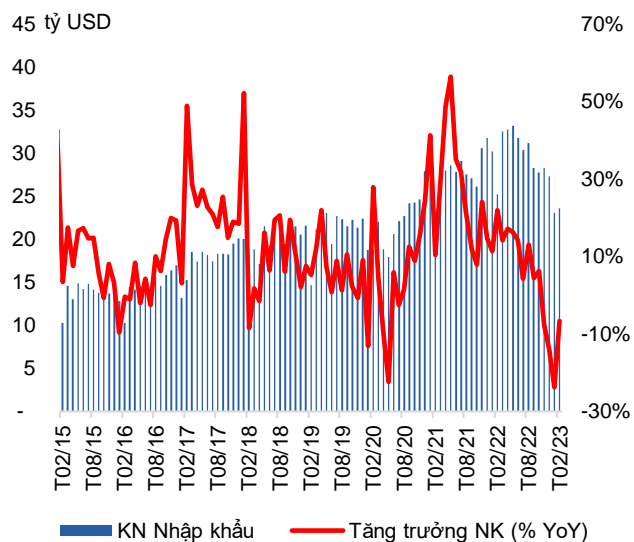
Nguồn: TCHQ, TCTK, VCSC

Hình 16: Xuất khẩu hàng tháng



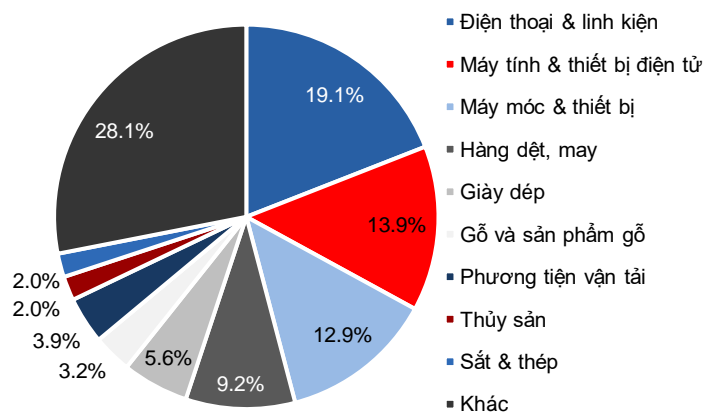
Nguồn: TCHQ, TCTK, VCSC

Hình 17: Nhập khẩu hàng tháng



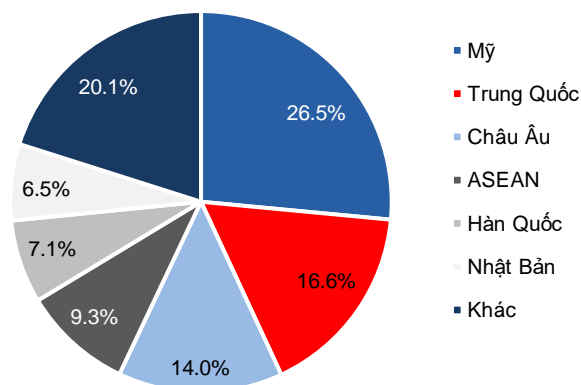
Nguồn: TCHQ, TCTK, VCSC

Hình 18: Các mặt hàng XK chính trong 2T 2023



Nguồn: TCTK, VCSC

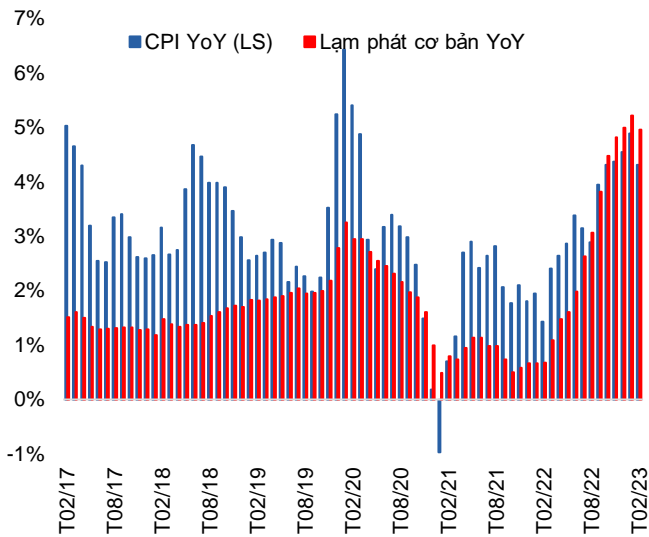
Hình 19: Các thị trường XK chính trong 2T 2023



Nguồn: TCTK, VCSC

Lạm phát

Hình 20: CPI



Nguồn: TCTK, VCSC

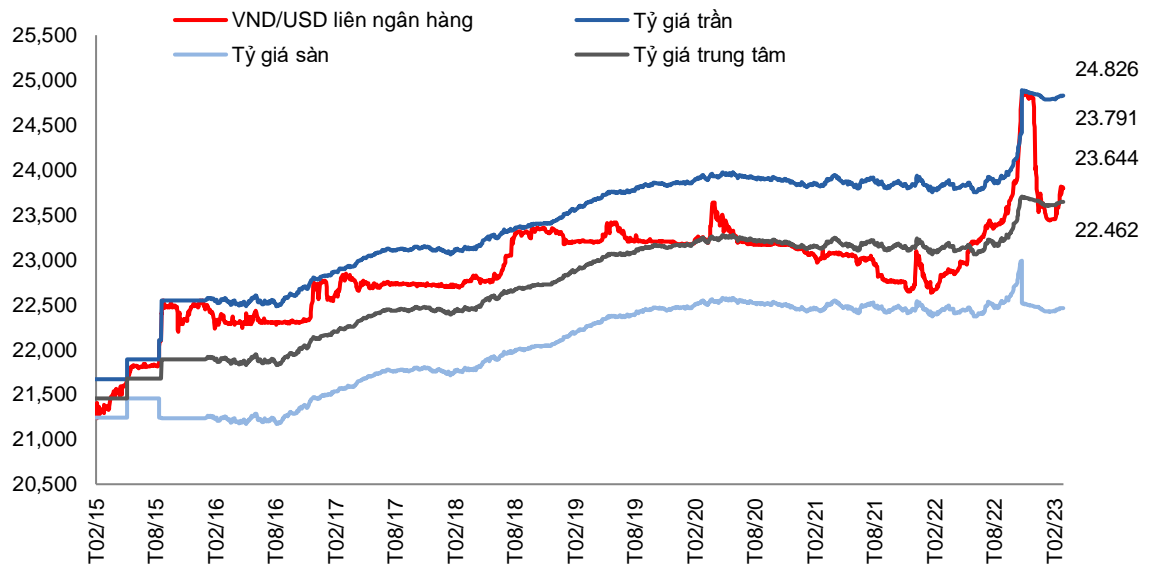
Hình 21: CPI theo từng nhóm ngành

Nhóm ngành	Tỷ trọng	T2/2022 YoY	T2/2023 YoY
Tổng cộng	100%	1,42%	4,31%
Lương thực, thực phẩm và dịch vụ ăn uống	33,56%	-0,20%	4,29%
Đồ uống và thuốc lá	2,73%	1,66%	3,64%
May mặc, mũ nón, giày dép	5,70%	-1,82%	3,84%
Nhà ở và vật liệu xây dựng	18,82%	3,08%	5,71%
Thiết bị và đồ dùng gia đình	6,74%	2,21%	3,85%
Thuốc và dịch vụ y tế	5,39%	0,70%	2,65%
Giao thông	9,67%	0,44%	7,88%
Bưu chính viễn thông	3,14%	1,20%	2,75%
Giáo dục	6,17%	0,26%	0,63%
Văn hoá, giải trí và du lịch	4,55%	15,46%	-0,18%
Hàng hoá và dịch vụ khác	3,53%	-0,73%	-0,26%

Nguồn: TCTK

Tỷ giá

Hình 22: Tỷ giá USD/VND



Nguồn: Bloomberg, VCSC

Các chỉ báo vĩ mô

CHỈ BÁO VĨ MÔ	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022E	2023F	2024F	Nguồn dữ liệu	Nguồn dự báo
Tăng trưởng GDP (thực)	6,7	6,9	7,5	7,4	2,9	2,6	8,0	6,5	7,0	% YoY	NHTG, TCTK
GDP danh nghĩa	257	281	310	334	347	366	403	439	480	USD bn	NHTG, TCTK
GDP đầu người	2.761	2.992	3.267	3.491	3.586	3.756	4.053	4.373	4.738	USD	NHTG, TCTK
Tỷ lệ thất nghiệp	2,3	2,2	2,0	2,0	2,5	3,0	2,2	2,2	2,1	%	TCTK
Giải ngân FDI	15,8	17,5	19,1	20,4	20,0	19,7	22,4	24,0	26,0	USD bn	MPI
Giải ngân FDI (% GDP)	6,1	6,2	6,2	6,2	5,8	5,4	5,6	5,5	5,4	% of GDP	MPI
Xuất khẩu (% GDP)	68,7	76,5	78,9	80,0	82,3	92,7	92,1	89,6	93,3	% of GDP	Customs, TCTK
Tăng trưởng xuất khẩu	9,0	21,8	13,3	8,4	6,9	18,9	10,5	6,0	14,0	% YoY	Customs, TCTK
Tăng trưởng nhập khẩu	5,6	21,9	11,2	7,0	3,7	26,7	7,8	6,5	13,5	% YoY	Customs, TCTK
Cán cân thương mại hàng hóa	1,8	2,1	6,8	10,9	19,9	3,3	12,4	11,3	14,5	USD bn	Customs, TCTK
Dự trữ ngoại hối	36,5	49,1	55,5	78,3	94,8	109,0	84,0	96,0	116,0	USD bn	NHTG, NHNN
Dự trữ ngoại hối (% GDP)	14,2	17,4	18,0	23,7	27,6	30,2	20,8	21,9	24,1	% of GDP	NHNN
Lạm phát (bình quân)	2,7	3,5	3,5	2,8	3,2	1,8	3,2	4,0	4,0	% YoY	TCTK
VND tăng (trượt) giá so với USD	(1,2)	0,3	(2,1)	0,0	0,3	1,2	(3,4)	0,0	0,0	%	Bloomberg
Lãi suất trần huy động (< 6 tháng)	5,5	5,5	5,5	5,0	4,0	4,0	6,0	6,0	5,5	%	NHNN
Tăng trưởng tín dụng	18,2	18,3	13,9	13,6	12,2	13,6	14,5	13,0	12,9	% YoY	NHNN
Thâm hụt ngân sách (không tính hoàn trả nợ gốc)	(2,9)	(2,2)	(2,2)	(2,1)	(2,7)	(3,4)	(4,3)	(4,4)	(3,6)	% of GDP	Bộ Tài Chính
Nợ công	50,9	48,8	46,3	43,6	44,2	43,1	43,5	44,5	44,5	% of GDP	Bộ Tài Chính

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chúng tôi, Trương Thanh Nguyên và Hoàng Thúy Lương, xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của VCSC

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi VCSC đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

www.vcsc.com.vn

Trụ sở chính

Tháp tài chính Bitexco, Lầu 15,
Số 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính

Tòa nhà Vinatex, lầu 1&3,
Số 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
+84 28 3914 3588 (417)

Phòng giao dịch Đồng Đa

9 Nguyễn Ngọc Doãn,
Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, HN
+84 24 6262 6999

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Nghiên cứu & Phân tích: +84 28 3914 3588
research@vcsc.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Nguyễn Anh Duy, Trưởng phòng cao cấp, ext 123

- Ngô Thị Thanh Trúc, Chuyên viên cao cấp, ext 116
- Huỳnh Thị Hồng Ngọc, Chuyên viên cao cấp, ext 138
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam, Trưởng phòng cao cấp, ext 124

- Huỳnh Thu Hà, Chuyên viên, ext 185
- Mai Đoàn Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 538
- Vũ Huy Khánh, Chuyên viên, ext 130

Bất động sản và Cơ sở hạ tầng

Lưu Bích Hồng, Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên, ext 149
- Thân Như Đoàn Thục, Chuyên viên, ext 174

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức, Phó Giám đốc, ext 363

- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Chuyên viên cao cấp, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 363
- Bùi Thu Hà, Chuyên viên, ext 364

Khối môi giới và Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Tuan Nhan

Giám đốc điều hành

Khối môi giới và Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vcsc.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh

Giám đốc điều hành

Khối Môi giới trong nước

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vcsc.com.vn

Nguyễn Quốc Dũng

Giám đốc

Giao dịch Chứng khoán - Khách hàng tổ chức

+84 28 3914 3588, ext 136

dung.nguyen@vcsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tầng 16, Tòa nhà Doji, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Quận 1, Tp. HCM
+84 28 3914 3588 (400)

Phòng giao dịch ABS

Tòa nhà Sailing, lầu 8, 111A Pasteur,
Quận 1, Tp. HCM
+84 28 3914 3588 (403)

Alastair Macdonald, Giám đốc điều hành, ext 105

alastair.macdonald@vcsc.com.vn

Vĩ mô

Hoàng Thúy Lương, Trưởng phòng cao cấp, ext 364

- Trương Thanh Nguyên, Chuyên viên cao cấp, ext 132

Dầu khí và Điện

Đinh Thị Thùy Dương, Trưởng phòng cao cấp, ext 140

- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên, ext 532
- Bạch Chấn Mẫn, Chuyên viên, ext 135

Vật liệu và Công nghiệp

Nguyễn Thảo Vy, Trưởng phòng, ext 147

- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 191

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.